

Bản án số: 112/2024/HNGĐ-ST
Ngày 13 – 12 – 2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC HIỂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Càn.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Ngọc Dung.
Ông Đào Văn Tươi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ân Tình là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển.

Ngày 13 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 208/2024/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2024 về việc “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Ngô Ngọc G, sinh năm 1973. Địa chỉ cư trú: Khóm x, thị trấn R, huyện N, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- **Bị đơn:** Ông Huỳnh Văn U, sinh năm 1969. Địa chỉ cư trú: Khóm x, thị trấn R, huyện N, tỉnh Cà Mau (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và lời trình bày tại phiên tòa của bà Ngô Ngọc G, thể hiện:

Bà Ngô Ngọc G và ông Huỳnh Văn U tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1989 nhưng không có đăng ký kết hôn, khi về chung sống phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi do bất đồng quan điểm, ông U có hành vi đánh đập đối với bà dẫn đến đã sống ly thân cách nay hơn 03 tháng. Từ nguyên nhân trên, bà G yêu cầu xin ly hôn với ông U.

Quá trình chung sống các đương sự có 03 con chung, gồm: Huỳnh Bé S, sinh năm 1993, Huỳnh Bé N, sinh năm 1995 và Huỳnh Quý B, sinh năm 1997. Hiện đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng có tài sản chung là 01 căn nhà cột bê tông, vách thiếc. Khi ly hôn, bà tự thỏa thuận với ông U và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng: Diện tích đất giao khoán hơn 05ha là tài sản riêng của bà G, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ người khác: Không có; về người khác nợ lại: Có một số khoản người khác nợ lại nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Lời trình bày tại phiên tòa của ông Huỳnh Văn U, thể hiện:*

Về quan hệ hôn nhân, thời gian chung sống, việc không đăng ký kết hôn và con chung như bà G trình bày là đúng. Về mâu thuẫn như bà G trình bày là không đúng, trong cuộc sống vợ chồng không có mâu thuẫn, ông không đánh đập bà G. Qua yêu cầu của bà G, ông không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà G.

Về tài sản chung: Việc bà G xác định diện tích đất giao khoán là tài sản riêng của bà G là không đúng vì đây là tài sản chung của vợ chồng cùng với căn nhà như bà G trình bày, ngoài ra còn có một số tài sản khác. Tuy nhiên, ông chưa có yêu cầu đối với các tài sản này.

Về nợ người khác, người khác nợ lại: Ông không xác định được do các giấy tờ do bà G quản lý.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Bà Ngô Ngọc G và ông Huỳnh Văn U tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1989 nhưng không có đăng ký kết hôn. Theo bà G xác định, khi về chung sống phát sinh mâu thuẫn, ông U có hành vi đánh đập, ngược đãi nên không thể tiếp tục chung sống nên yêu cầu ly hôn với ông U. Theo ông U xác định, vợ chồng không có mâu thuẫn gì nên không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà G.

Xét thấy, theo khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì “*Nam, nữ đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của vợ chồng...*”. Đối chiếu với quy định trên, Hội đồng xét xử không xem xét nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến việc bà G xin ly hôn với ông U mà căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình không công nhận quan hệ vợ chồng giữa các đương sự là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

[2] Về con chung: Con chung đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét.

[3] Về tài sản: Các đương sự tự thỏa thuận, các vấn đề khác: Các đương sự xác định không có nên không đặt ra xem xét, trường hợp có phát sinh tranh chấp về các nội dung này sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

[4] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà G phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Ngô Ngọc G và ông Huỳnh Văn U.

2. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Ngô Ngọc G phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng); đối trừ số tiền nộp tạm ứng 300.000 đồng theo Biên lai số 0015152 ngày 09 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiển thì bà G đã nộp xong án phí.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hiển;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiển,
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Càn